TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/DS-PT
Ngày: 18 - 02 - 2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất giao khoán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất giao khoán", giữa:

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2019/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 260/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H1, sinh năm 1983.
Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..
Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Luật sự Lê Minh Ch1 – Văn phòng luật sư Lê Minh Ch1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.
Địa chỉ: Đường D, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1951.
Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..
Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:
1/ Ông Lâm Đồng K, sinh năm 1966.
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C ..
2/ Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981.
Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C . (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2019).

Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan:
1/ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1979.

2/ Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1973.

Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..

3/ Ông Lê Thanh T3, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Ấp 1B, xã P, huyện P, tỉnh B ..

4/ Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..

5/ Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh C ..

6/ Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V- Đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Văn X - Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

7/ Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phương N2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà M.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..

8/ Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981.

9/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983.

10/ Chị Nguyễn Thị T6, sinh năm 1985.

11/ Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1987.

12/ Chị Nguyễn Thị D2, sinh năm 1988.

13/ Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1989.

14/ Chị Nguyễn Như Y, sinh năm 2001.

15/ Anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1981.

16/ Anh Nguyễn Văn D3, sinh năm 2003.

17/ Chị Nguyễn Thị Trúc D4, sinh năm 2005.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..

Đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Văn D3, chị Nguyễn Thị Trúc D4 - Chị Lê Thị H1, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ cư trú: Xã T, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau.

(Ông T1, ông K, bà T2, Luật sư Ch1 có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Chị Lê Thị H1 – nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị H1 trình bày: Phần đất có kích thước: ngang 35m, dài 100m, hướng Đông giáp phần đất UBND xã T; Tây giáp với phần đất của Trạm xá xã T; Bắc giáp với lộ cấp 6 xã T; Nam giáp phần đất của ông Trần Chiến; đất toạ lạc tại ấp Nhà Diệu, xã T, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau do nội của chị là ông Lê Hữu Ngh cho cha của chị ông Lê Văn L năm 1999, ông L chết năm 2005 để lại cho chị. Phần đất này trước đây có chiều ngang 45m, sau khi chuyển đổi với ông Nguyễn Văn T1 chiều ngang 10m để làm khu đất mộ an táng ông L, còn lại chiều ngang 35m, chiều dài 100m chị quản lý, xử dụng đến tháng 6/2018 thì ông T1 cho rằng phần đất trên là của ông nên dân đến tranh chấp.

Nay chị yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả lại quyền sử dụng phần đất nêu trên cho chị.

Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông là chủ sử dụng phần đất có kích thước chiều ngang 101m, sau khi giải tỏa đền bù còn lại 41m. Nguồn gốc là một phần được Ban quản lý rừng phòng Kiến V giao khoán cho ông Nguyễn Hữu Ngh ông Nguyễn Hữu Ngh (cha vợ ông T1) năm 1999, cùng thời điểm trên ông Ngh sang nhượng lại cho ông với giá trị 06 chỉ vàng 24k. Việc sang nhượng chỉ thoả thuận bằng lời nói nhưng ông Ngh giao đất và sổ hợp đồng giao khoán cho ông quản lý, sử dụng đến nay.

Ngoài phần chuyển nhượng của ông Ngh, ông cũng chuyển nhượng của anh Lê Thanh T3 một phần đất liền kề có kích thước, giá trị bằng với ông Ngh, cộng hai phần chuyên nhượng này có diện tích chung bằng 3,2ha. Việc chuyển nhượng có ông Nguyễn Văn V (con ông Ngh) ký tên xác nhận. Sau khi chuyển nhượng thì Nhà nước thu hồi một phần để xây trường học và trạm y tế xã, phần còn lại 41m, chiều dài 100m, nay chị H1 cho rằng đất thừa hưởng của cha là không đúng, ông không chấp nhận khởi kiện của chị H1.

Ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông xác định đất tranh chấp là của ông Nguyễn Hữu Ngh để lại. Riêng việc ông Ngh có chuyển nhượng đất cho ông T1 hay không ông không biết, yêu cầu giải quyết vụ việc theo qui định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Thống nhất nội dung vụ việc như bà H1 trình bày. Ngoài ra, bà N1 còn xác định: bà là con của ông Ngh, phần đất nhận khoáng của Lâm ngư trường ông Ngh chia cho hai người con, gồm: cho là bà Lê Thị H 45 mét ngang, chiều dài 100 mét, cho người con thứ ba là anh Lê Văn L là 45 mét ngang, chiều dài 100 mét. Việc cho đất cho con ông Ngh chỉ nói miệng và phân ranh giới giữa hai bên là cái bờ, hiện nay ranh bờ không còn.

Phần đất ông L nhận đã chuyển nhượng phần hậu cho ông Trần Văn Ch chiều ngang 45 mét và chiều dài hết đất xuống giáp với phần phần đất của ông Ch. Phần còn lại chiều ngang 45 mét, dài 100 mét từ lộ xi măng đi xã T lên đến phần đất của ông Trần Văn Ch hiện đang tranh chấp giữa bà H1 với ông T1. Năm 2005 chị H1 có đổi với bà Lê Thị H 01 phần đất ngang 10 mét, dài 120 mét (không làm giấy tờ gì chỉ nói bằng miệng). Phần đất bà H được cho hiện nay Nhà nước thu hồi làm Trạm y tế và Trường mẫu giáo xã T đã có bồi thường.

Bà không yêu cầu chia thừa kế nhưng yêu cầu xử lý công nhận đất tranh chấp là của ông L để lại cho các con.

Ông Nguyễn Văn T4 trình bày: Ông là chú ruột chị Lê Thị H1 và là em vợ của ông Nguyễn Văn T1, gia đình ông có 06 anh chị em gồm: Lê Thị H (đã chết năm 2018) đã có chồng là ông Nguyễn Văn T1, Lê Văn L (đã chết năm 2005) có vợ là bà Lê Thị Đ, Nguyễn Văn T4 (người khai), Lê Thanh T3, Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Văn V.

Ông xác định trước đây ông Nguyễn Hữu Ngh có một phần đất tại ấp Nhà Diệu, xã T, huyện Ngọc Hiển. Sau khi ông Ngh chết thì phần đất trên bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T1 quản lý, sử dụng. Còn việc có phân chia đất cho bà H, ông L hay không ông không biết. Phần đất tranh chấp giữa chị Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn T1 ông không biết và cũng không tham bất cứ cuộc hợp hay ký văn bản nào liên quan đến phần đất đang tranh chấp này. Do điều kiện công việc nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông không yêu cầu khác.

Bà Nguyễn Thị D1 trình bày: Bà được biết cha chồng là ông Nguyễn Hữu Ngh trước khi chết có nói bằng miệng là có để lại phần đất cho con là Lê Thị H 01

phần đất ngang 45 mét và chiều dài 100 mét và Lê Văn L 01 phần đất ngang 45 mét và chiều dài 100 mét, tọa lạc tại ấp Nhà Diệu, xã T huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Còn về các loại giấy tời hay sổ sách gì liên quan đến phần đất này bà không biết, không tham gia cuộc hợp nào của gia đình có liên quan đến phần đất này. Bà là vợ của ông Lê Văn L (ông L đã chết năm 2005), bà và ông L đã ly hôn khoảng 26 năm trước. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không yêu cầu gì khác.

Chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Như Y, chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị D2, anh Nguyễn Văn U thống nhất trình bày: Đất tranh chấp do ông Nguyễn Văn T1 quản lý, không có tranh chấp, nay chị H1 yêu cầu đòi quyền sử dụng các đương sự không đồng ý.

Anh Nguyễn Văn S1 trình bày: Anh xác định đất tranh chấp là của cha vợ tôi ông Lê Văn L, khi ông L mất để lại cho vợ tôi là chị H1 quản lý, tuy nhiên không có giấy tờ để chứng minh, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn D3 trình bày: Tôi là con ruột của của chị Lê Thị H1 bà Lê Thị H là bà cô của tôi còn ông Nguyễn Văn T1 là ông dượng rể của tôi. Phần đất hiện nay đang tranh chấp giữa chị Lê Thị H1 mẹ tôi và ông Nguyễn Văn T1 tôi hoàn toàn không biết và không có ý kiến gì.

Chị Lê Trúc Đ trình bày: Chị là con của bà H1, chị D4 Thống nhất với nội dung và yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hằng.

Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V trình bày: Phần đất đang tranh chấp là một phần trong diện tich đất Lâm ngư trường Kiến V (Nay là ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V) giao khoán cho ông Nguyễn Hữu Ngh năm 1999, hiện nay vẫn còn tên ông Ngh trong hợp đồng giao khoán.

Hiện nay phần đất đang tranh chấp nằm trong khu vực đất đã giao cho UBND xã T quản lý theo Quyết định 284/NĐ – CTUB ngày 30/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, Lâm ngư trường Kiến V không còn quyền quản lý phần đất này.

Trình bày của Ủy ban nhân dân xã T: Phần đất đang tranh chấp Là một phần trong khuôn viên đất có kích thước ngang 90m, dài 333m do Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V giao khoán cho ông Nguyễn Hữu Ngh năm 1996 để canh tác quản lý, không giao cho ông T1 hay chị H1. Hiện nay phần đất này do ông Nguyễn Văn T1 quản lý, sử dụng hiện nằm trong khu vực đất do UBND xã T quản lý Nhà nước theo Quyết định số 284/QĐ – CTUB ngày 30/11/2004 của UBND tỉnh Cà Mau. Đất hiện chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Theo đơn xác nhận của chị Lê Thị H1 thì phần đất chị H1 đang quản lý sử dụng là do ông Nguyễn Hữu Ngh (ông nội chị H1) cho cha chị là ông Lê Văn L. Sau khi ông L chết để lại cho chị quản lý với diện tích chiều ngang là 35m, dài 100m; còn phần đất ông T1 đang quản lý sử dụng là do ông Ngh để lại cho bà H, vợ ông T1. Phần đất ông T1 quản lý sử dụng được UBND xã Tân Ân thu hồi để xây dựng Trạm y tế và Trường mẫu giáo với diện tích ngang 60m, chiều dài 94m, gia đình ông T1 đã nhân bồi hoàn xong. Đơn xác nhận của chị H1 được các cô chú chị H1 ký tên xác nhận, UBND xã T ký xác nhận chữ ký là đúng sự thật.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H1 yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả lại phần đất có diện tích 3392,7m^2 tại ấp Nhà Diệu, xã T, huyện Ngọc Hiển theo vị trí như sau:

Phía Đông giáp phần đất ông Trần Văn Ch quản lý.

Phía Tây giáp lộ nhựa nông thôn hiện hữu.

Phía Nam giáp Trạm y tế xã T.

Phía Bắc giáp với phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn T1 và Ủy ban nhân dân xã T quản lý.

Chị Lê Thị H1 không phải nộp thêm tiền chi phí đo đạc.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 10/10/2019 chị Lê Thị H1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H1.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Về thủ tục: Ông Trần Hoàng Tỷ trước đây là thư ký của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, đã tham gia tiến hành tố tụng tại vụ kiện này với vay trò thư ký. Sau khi được bổ nhiệm Thẩm phán ông Tỷ lại tiếp tục tham gia tiến hành tố tụng với vay trò Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà. Việc ông Tỷ tham gia tại vụ kiện với hai tư cách trên là vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Kháng cáo của bà H1 yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện nhưng không chứng minh đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của chị nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Do vậy, mặc dù án sơ thẩm có vi phạm tố tụng về hình thức nhưng vi phạm này không hạn chế các quyền và Ngh vụ của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng; người vi phạm không phải cố ý, thiếu khách quan hay làm hạn chế quyền của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng. Việc huỷ án sơ thẩm không làm thay đổi bản chất vụ việc.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa đại diện của chị H1 bảo lưu nội dung kháng cáo.

Căn cứ kháng cáo: Ông Ch1 cho rằng đất tranh chấp là một phần trong diện tích đất ông T3 khai phá sau đó giao cho cha là ông Ngh, năm 1996 ông Ngh đăng ký nhận khoán, quản lý, sử dụng. Năm 1999 ông Ngh cắt cho hai con là bà H, ông L là có thật. Mặc dù cho đất cho con nhưng ông Ngh vẫn đứng tên người nhận khoán, các con ông Ngh hiện ở cùng địa phương là ông V, ông T3, bà N1 thừa nhận các sự kiện này. Quá trình quản lý, sử dụng ông L – cha của chị H1 đã chuyển nhượng phần đất phía sau hậu đất tranh chấp cho ông Ch. Năm 2005 ông L chết, do đất được ông Ngh cho bị trũng nên chị H1 thỏa thuận hoán đổi chiều ngang 10m từ đất của bà H với phần đất ông Ngh cho để làm nơi an táng ông L là có thật. Các căn cứ trên chứng minh đất tranh chấp là của ông L. Bà H1 cùng các anh em con của ông L thừa hưởng di sản của cha để lại là đúng.

Tuy nhiên, án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi ông Trần Hoàng Tỷ tham gia tiến hành tố tụng tại vụ kiện với hai tư cách là Thư ký, sau đó được bổ nhiệm thẩm phán tiếp tục thụ lý, xử lý vụ kiện.

Đề nghị áp dụng khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Huỷ án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ kiện về cho Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý, giải quyết lại thủ tục chung.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về thủ tục: Chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát và ông Lê Minh Châu xác định ông Trần Hoàng Tỷ trước đây là thư ký của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, đã tham gia tiến hành tố tụng tại vụ kiện với vay trò thư ký trong quá trình chuẩn bị xét xử tại vụ kiện này. Sau khi được bổ nhiệm Thẩm phán ông Tỷ lại tiếp tục được phân công thụ lý, tham gia tiến hành tố tụng với vay trò Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà - nên ông Tỷ tham gia tiến hành tố tụng tại vụ kiện lần lượt với hai tư cách là vi phạm tố tụng được qui định tại khoản 4 Điều 53 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Phần đất đang tranh chấp có kích thước: Chiều ngang 35m, chiều dài 100m tọa lạc tại ấp Nhà Diệu, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển là một phần trong phần đất 3,0ha thuộc thửa số 34, khoảnh 73 tiển khu 126 do Lâm ngư trường Kiến Vàng (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V) giao khoán đất lâm nghiệp cho ông Nguyễn Hữu Ngh năm 1996.

Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V xác định: Diện tích phần đất đang tranh chấp nêu trên nằm trong diện tích đất chung mà Lâm trường giao lại cho Ủy ban nhân dân xã Tân Ân quản lý theo Quyết định 284/NĐ – CTUB ngày 30/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất đối với Lâm ngư trường Kiến Vàng theo Nghị định 163/1999/NĐ – CP của Chính phủ.

Chị H1 xác định trước đây ông Nguyễn Hữu Ngh có cho cha chị ông Lê Văn L một phần đất có chiều ngang 45m, chiều dài 100m, ông L quản lý sử dụng, đến năm 2005 ông L chết để lại phần đất trên cho các con là chị cùng các anh em quản lý sử dụng.

Ông Nguyễn Hữu Ngh (chết năm 2000) và vợ bà Huỳnh Thị Lừa (chết năm 2018) không để lại di chúc, ông Ngh và bà Lừa có 6 người con gồm: bà H (vợ ông T1), ông L (cha bà H1), ông V, ông T3, ông T4, bà N1. Trong những người này ngoài ông T4 xác định không biết, không liên quan, không có yêu cầu gì đối với đất tranh chấp thì các đương sự còn lại là chồng, con của bà H, các con của ông L, ông V, ông T3, bà N1 điều xác định đất tranh chấp mặc dù vẫn còn đứng tên ông Ngh nhưng là tài sản không bị tranh chấp thừa kế. Tuy vậy, các đương sự xác định không nhất quán nội dung cụ thể: Phía nguyên đơn thì cho rằng đất tranh chấp là một phần trong khoản diện tích 3,0ha đã được ông Ngh, bà Lừa chia điều cho bà H, ông L khoảng năm 1999. Bị đơn cho rằng đất tranh chấp là một phần trong khoản diện tích 3,0ha có nguồn gốc là của ông T3 khai phá, giao cho ông Ngh quản lý, đăng ký nhận khoáng, sau đó ông T3 nhượng lại cho ông T1 nhưng chưa điều chỉnh tên người nhận khoáng từ người bán sang người mua. Do vậy, án sơ thẩm xác định quan hệ tại vụ kiện là tranh chấp quyền sử dụng đất, loại trừ tranh chấp thừa kế là có căn cứ.

Theo chị H1, sau khi chuyển đổi với ông T1 10m ngang làm khu an táng cho ông L thì còn lại 35m dài 100m. Án sơ thẩm xác định chị H1 trình bày như vậy nhưng không chứng minh được việc tặng, cho, hoán đổi đất. Không chứng minh được việc đền bù giải phóng mặt bằng chị và những người con còn lại của ông L có được nhận tiền đền bù đối với phần đất tranh chấp.

Ngược lại, ông Nguyễn Văn T1 xác định Việc ông L được an táng tại đây là gì có quan hệ gia đình với bà H, đất tranh chấp là một phần trong diện tích đất chung do ông sang nhượng lại từ ông T3, chứng minh cho trình bày này ông T1 cho rằng chính ông Ngh giao cho ông sổ hợp đồng giao khoán và quản lý, sử dụng đất cho đến nay. Tại đơn xin sang nhượng thành quả lao động trên đất ngày 19/9/2005 thể hiện nội dung việc sang nhượng đất lại cho ông Trần Văn Chiến là phần đất của ông T1 và bà H, không phải là đất của ông L như chị H1 trình bày. Tại đơn sang nhượng thành quả lao động ngày 06/8/2006 thể hiện nội dung phần đất diện tích 3,0ha trong sổ hợp đồng giao khoán ông T1 là người đứng ra sang nhượng cho ông Trần Văn Chiến.

Tại biên bản cấp tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng ngày 20/12/2010 và giấy xác nhận ngày 10/10/2018 của Phòng giáo dục và đào tạo huyện Ngọc Hiển thì ông Nguyễn Văn T1 là người được nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng. Công văn số 53/UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân xã Tân Ân thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H có yêu cầu đo đạc phần đất của mình để thực hiện việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Mặt khác trong sổ hợp đồng giao khoán thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn V đồng ý cùng ông Nguyễn Hữu Ngh (cha ông V và bà H) sang nhượng lại cho ông T1 và bà H phần đất theo sổ hợp đồng giao khoán. Ông Nguyễn Hữu Ngh chết năm 2000, bà Huỳnh Thị Lừa (vợ ông Ngh chết năm 2018), ông L (cha chị H1) chết 29/5/2005 chị H1 cho rằng phần đất được ông Ngh cho cha chị là ông L, cha chị cho lại chị. Tuy nhiên chứng cứ thể hiện ông T1, bà H thực hiện việc sang bán, chuyển nhượng làm thủ tục đăng ký vào thời điểm ông Ngh và bà Lừa còn sống, nhưng không thể hiện việc ông L, bà Lừa, ông Ngh và chị H1 có hành vi ngăn cản việc xác nhận đăng ký, sang bán, chuyển nhượng.

Bà N1 là cô và nhân chứng của bà H1 xác định ông Ngh trước khi chết có di chúc miệng chia phần đất 3,0ha cho ông L, bà H. Khai nhận này mâu thuẫn với việc nguyên đơn xác định ông Ngh chia đất trước cho ông L, bà H, ông L đã nhận đất sản xuất đến năm 2005. Thực tế, không có chứng cứ xác định ông L có quản lý, sử dụng phần đất hiện đang tranh chấp.

Phần đất đang tranh chấp ông T1 quản lý sử dụng từ năm 1999 đến nay, kết quả xác minh hoa màu, cây ăn trái trên đất là do ông T1 trồng trước khi phát sinh tranh chấp nên án sơ thẩm chấp nhận trình bày của ông T1 về quá trình quản lý, sử dụng đất là có căn cứ.

Từ các căn cứ trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H1 đối với ông Nguyễn Văn T1 đòi quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 3.392,7m^2 tại ấp Nhà Diệu, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau là có cơ sở.

Án sơ thẩm vận dụng chứng cứ xử lý vụ việc là phù hợp với qui định của pháp luật nên mặt dù có vi phạm về hình thức của thủ tục tố tụng nhưng không thể

hiện việc thiếu khách quan hay làm hạn chế quyền của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng, việc huỷ án sơ thẩm là không cần thiết do không làm thay đổi bản chất vụ việc, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, tránh sai sót tái diễn.

[3] Chị Lê Thị H1 phải chịu hai khoản chi phí đo đạc, thẩm định bằng 9.515.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm theo qui định chung. Chị H1 đã thanh toán xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2019/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H1 yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả lại phần đất có diện tích 3.392,7m^2 tại ấp Nhà Diệu, xã T , huyện Ngọc Hiển theo vị trí tứ cận:

Phía Đông giáp phần đất ông Trần Văn Chiến quản lý. Phía Tây giáp lộ nhựa nông thôn hiện hữu. Phía Nam giáp Trạm y tế xã Tân Ân. Phía Bắc giáp với phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn T1 và Ủy ban nhân dân xã Tân Ân quản lý.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Lê Thị H1 phải nộp 2.500.000 đồng. Chị Lê Thị H1 đã dự nộp số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005408 ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được đối trừ, phần còn lại 1.250.000 đồng chị H1 tiếp tục nộp.

Án phí phúc thẩm chị H1 phải chịu 300.000 đồng, ngày 10/10/2019 chị H1 dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005937 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Lệ phí: Chị Lê Thị H1 phải chịu hai khoản chi phí đo đạc, thẩm định bằng 9.515.000 đồng, chị H1 đã thanh toán xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Văn Yên